

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình

Phan Thị Luyện*

Nhận ngày 11 tháng 01 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Tóm tắt: Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là một trong những nội dung quan trọng nhằm xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc và văn minh. Thời gian qua ở Việt Nam, nhiều văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới được ban hành, thực thi và đã phát huy hiệu quả, làm thay đổi căn bản nhận thức về giới và tạo dựng mối quan hệ bình đẳng, dân chủ, tôn trọng cùng nhau chia sẻ các công việc gia đình. Tuy nhiên, khoảng cách giới vẫn còn tồn tại dai dẳng trong các mối quan hệ gia đình, nam giới giữ vai trò trụ cột gia đình và ra các quyết định quan trọng, phụ nữ vẫn là người chịu trách nhiệm chính các công việc lao động gia đình, một bộ phận phụ nữ vẫn phải chịu một sức ép về việc sinh con trai, sự tham gia vào quá trình ra quyết định trong gia đình còn hạn chế. Do đó cần tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới, góp phần nâng cao vị thế, vai trò và bảo đảm quyền con người ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Pháp luật, bình đẳng giới, gia đình, phân công lao động.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Implementing law on gender equality is among what is needed to have progressive, happy and civilized families. Recently, many legal documents on gender equality have been promulgated and implemented in Vietnam, which have been effective in fundamentally changing awareness of gender issues and creating a relationship of equality, democracy and respect and sharing of housework. However, the gender gap still persists in family relationships, with men being the “pillars of the home”, making important decisions, and women being still the main ones in carrying out domestic work. Some women remain under pressure to bear sons, and their participation in the family decision-making process is limited. It is, therefore, necessary to continue to synchronously implement solutions to promote gender equality, contributing to enhancing the status, role and ensuring human rights in Vietnam today.

Keywords: Law, gender equality, family, division of labor.

Subject classification: Sociology

1. Đặt vấn đề

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình có ý nghĩa quan trọng, tạo môi trường lành mạnh và tiền đề quan trọng để trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt, các thành viên trong gia đình có cơ hội để phát huy năng lực, cống hiến cho sự nghiệp, thể hiện vai trò trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. Những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã nỗ lực hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có gia đình. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới đạt được nhiều thành tựu được thế giới ghi nhận góp phần thu hẹp khoảng cách về giới và nâng cao vị thế của phụ nữ. Tuy nhiên, tư tưởng Nho giáo đã đi sâu vào tiềm thức của nhiều thế hệ, tư tưởng “trọng nam khinh nữ” vẫn còn tồn tại hạn chế cơ hội học tập của trẻ em gái, khả năng

* Trường Đại học Luật Hà Nội.

Email: luyendhl76@gmail.com

cống hiến và hưởng thụ cuộc sống của phụ nữ. Sau 18 năm, Luật Bình đẳng giới năm 2006 đi vào thực tiễn, thực trạng thực hiện pháp luật về bình đẳng giới như thế nào là vấn đề cần được đánh giá một cách khách quan, toàn diện. Trên cơ sở phân tích thực trạng thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình hiện nay.

Nghiên cứu vấn đề thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình, bài viết sử dụng kết hợp đồng thời giữa hai phương pháp định lượng và định tính. Dữ liệu được sử dụng để phân tích dựa vào kết quả cuộc khảo sát được thực hiện vào năm 2023 với mẫu nghiên cứu là 300 phiếu khảo sát và 30 phiếu phỏng vấn sâu là những người đã kết hôn trên địa bàn quận Đống Đa, Hà Nội¹.

2. Thực trạng thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình

Bình đẳng giới trong gia đình là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó. Nội dung về bình đẳng trong gia đình được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam thời gian qua: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật” (Khoản 1 Điều 16 Hiến pháp năm 2013; “Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân được quy định trong Hiến pháp, Luật này và các luật khác có liên quan” (Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014). “Vợ chồng bình đẳng trong việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình” (điểm a, khoản 2 Điều 4 Pháp lệnh Dân số 2003). “Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình” (khoản 1 Điều 18 Luật Bình đẳng giới năm 2006). Vậy thực tiễn việc thực hiện quy định pháp luật này như thế nào?

Trước hết, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình đó là vợ, chồng cùng bàn bạc, tôn trọng ý kiến của nhau trong việc ra các quyết định trong gia đình về các vấn đề như đầu tư, làm ăn kinh tế, mua nhà, mua sắm các thiết bị trong gia đình, cho vay mượn tài sản,... Chức năng kinh tế là một trong những chức năng cơ bản của gia đình, tạo ra của cải vật chất thỏa mãn nhu cầu của các thành viên. Nhu cầu không dừng lại ở lương thực, nhà cửa, đồ dùng gia đình, các phương tiện đi lại, các thông tin phục vụ đời sống văn hóa, đồ dùng sinh hoạt... mà còn đòi hỏi được phát triển cá nhân và thỏa mãn nhu cầu về tinh thần. Trong xã hội truyền thống, vai trò của người chồng là kiếm tiền nuôi gia đình, vợ là người nội trợ, chăm sóc con cái, chăm lo cho đời sống gia đình. Nhưng khi xã hội phát triển, với chức năng là đơn vị tiêu thụ với mức sống ngày càng cao thì nguồn tài chính để đáp ứng cho nhu cầu của gia đình tăng lên, thu nhập của người chồng không đáp ứng đủ nhu cầu của gia đình và cần có thu nhập tương ứng từ người vợ: “Theo tôi, phần lớn các gia đình vợ và chồng đều là lực lượng lao động chính, với gia đình viên chức như gia đình tôi, vợ chồng thu nhập chủ yếu dựa vào lương, nếu không có lương của vợ hoặc chồng sẽ không đủ để chi phí sinh hoạt hàng tháng ăn uống, điện nước, tiền đóng học, con ốm đau, hiếu hỉ,...” (PVS, nữ 39 tuổi, viên chức). Sự gia tăng việc làm có thu nhập và cơ hội phụ nữ tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội ngày càng mở rộng, nam giới buộc phải chia sẻ trách nhiệm chăm sóc gia đình và sự độc tôn về quyền lực của nam giới dần mất đi.

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội. 2024. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình từ thực tiễn quận Đống Đa, Hà Nội”.

Khi người vợ tham gia vào thị trường lao động bổ sung vào nguồn thu nhập chính thì cả hai cùng tham gia vào việc ra các quyết định trong gia đình. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng: “Trong đời sống gia đình, những yếu tố kinh tế có xu hướng liên quan đến mọi khía cạnh của cuộc sống vợ chồng. Khả năng đóng góp vào thu nhập của hộ gia đình là một yếu tố quan trọng tạo nên quyền lực, khả năng ảnh hưởng trong quan hệ giữa vợ và chồng” (Vũ Tuấn Huy, 2003: 53). Kết quả nghiên cứu ở bảng 1 cũng cho thấy điều này, chiếm tỉ lệ cao việc ra các quyết định trong gia đình có sự tham gia của cả vợ và chồng. Cụ thể, tỉ lệ cao nhất có tới 90,1% số người trả lời do cả hai vợ chồng quyết định về số con và giới tính của con; 89.3% việc mua nhà là do cả hai vợ chồng quyết định; cho người khác vay mượn tài sản do hai vợ chồng quyết định chiếm 84.7%; chăm sóc, dạy dỗ con và chọn trường cho con có tới 83,7% và 82% do cả hai vợ chồng quyết định,...

Bảng 1: Ra các quyết định trong gia đình

Phương án trả lời	Do vợ quyết định		Do chồng quyết định		Cả hai vợ chồng quyết định	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1. Quyết định về số con và giới tính của con trong gia đình	13	4.3	12	4.0	227	90.1
2. Quyết định mua nhà	6	2.0	26	8.7	268	89.3
3. Quyết định mua sắm các trang thiết bị, đồ dùng điện tử trong gia đình	15	5.0	63	21.0	222	74.0
4. Quyết định mua sắm các thiết bị cho nhà bếp	136	45.3	10	3.3	154	51.3
5. Quyết định mua xe máy, xe ô tô	12	4.0	60	20.0	228	76.0
6. Quyết định đầu tư, làm ăn kinh tế	16	5.3	56	18.7	228	76.0
7. Chọn trường học cho con	45	15.0	9	3.0	246	82.0
8. Cho người khác vay, mượn tài sản	26	8.7	20	6.7	254	84.7

Nguồn: Trường Đại học Luật Hà Nội, 2024

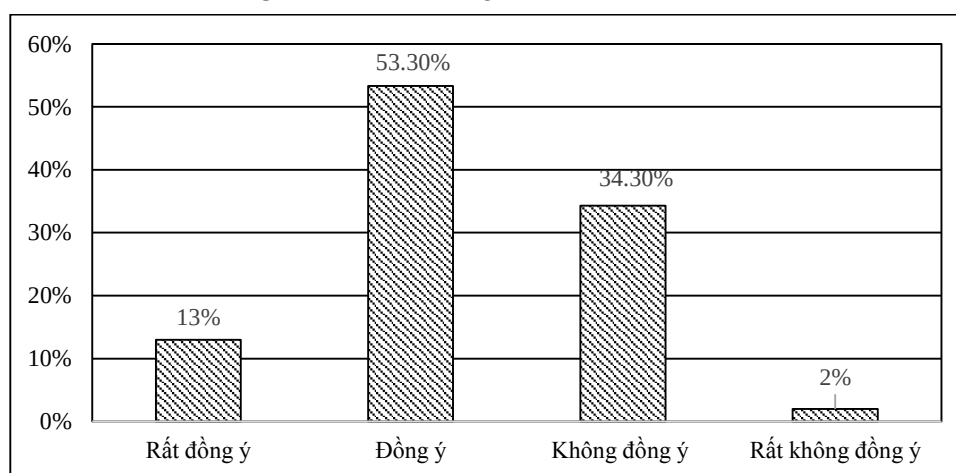
Mặc dù quan hệ vợ chồng bình đẳng khi ra các quyết định trong gia đình nhưng có sự khác biệt về giới trong phân phối quyền lực. Ra các quyết định mua sắm các thiết bị cho nhà bếp có tới 45.3% chỉ do vợ quyết định, chỉ do chồng quyết định chiếm 3.3%. Với các quyết định đầu tư làm ăn kinh tế, mua sắm các vật dụng quan trọng của gia đình, tỉ lệ chỉ do chồng quyết định cao hơn. Chẳng hạn như quyết định mua sắm các trang thiết bị, đồ dùng điện tử trong gia đình do chồng quyết định chiếm 21%, trong khi vợ quyết định chiếm 5%; quyết định mua xe máy, xe ô tô do chồng quyết định chiếm 20%, vợ quyết định chiếm 4%; Quyết định đầu tư, làm ăn kinh tế do chồng quyết định chiếm 18.7%, vợ quyết định chiếm 5.3%.

Đặc biệt đối với các gia đình thu nhập của chồng cao hơn và công việc đòi hỏi làm việc nhiều thời gian bên ngoài, ít có thời gian dành cho gia đình và chăm sóc con thì các quyết định liên quan đến học hành, chăm sóc con, mua sắm đồ dùng gia đình do vợ quyết định còn những vấn đề cần chi phí lớn về tài chính như mua nhà, mua xe do chồng quyết định

như trường hợp sau: “Nghề nghiệp của chồng tôi phải đi công tác xa nhà thường xuyên và thời gian dài, các công việc trong gia đình như mua sắm, chăm sóc con ốm, đưa đón con đi học tôi phải đảm nhiệm. Mình thấy cần dùng thiết bị gì để giảm bớt thời gian dành cho công việc nội trợ như máy rửa bát, máy giặt, máy hút bụi,... thì mình chủ động mua sắm còn chồng mình đi suốt có biết đâu. Nhưng việc mua nhà là chồng mình quyết định vì mua nhà chủ yếu bằng tiền thu nhập của anh ấy chứ tiền lương của mình chỉ đủ chi phí cho con” (PVS, nữ, 45 tuổi).

Mặc dù pháp luật xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở bình đẳng nhưng vai trò trụ cột về kinh tế và ra các quyết định trong gia đình vẫn do người chồng đảm nhiệm chiếm đa số. Kết quả khảo sát biểu đồ 1 cho thấy, có tới 66.3% người được hỏi Rất đồng ý và Đồng ý với quan điểm chồng là trụ cột kinh tế gia đình. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy điều này: “Mình là đàn ông là trụ cột gia đình phải quyết chứ, tuy nhiên ngày nay pháp luật quy định vợ chồng bình đẳng, làm gì cũng nên bàn bạc với vợ, thuận vợ thuận chồng gia đình mới êm ấm” (PVS, nam, 44 tuổi). Ý kiến khác: “Tôi nghĩ nam giới không thể chăm sóc con tốt bằng phụ nữ, nhưng cơ hội phát triển xã hội của đàn ông thường cao hơn. Vì vậy đàn ông vẫn là trụ cột về kinh tế cho gia đình” (PVS, nam, 35 tuổi).

Biểu đồ 1: Quan điểm chồng là trụ cột kinh tế gia đình



Nguồn: Trường Đại học Luật Hà Nội, 2024

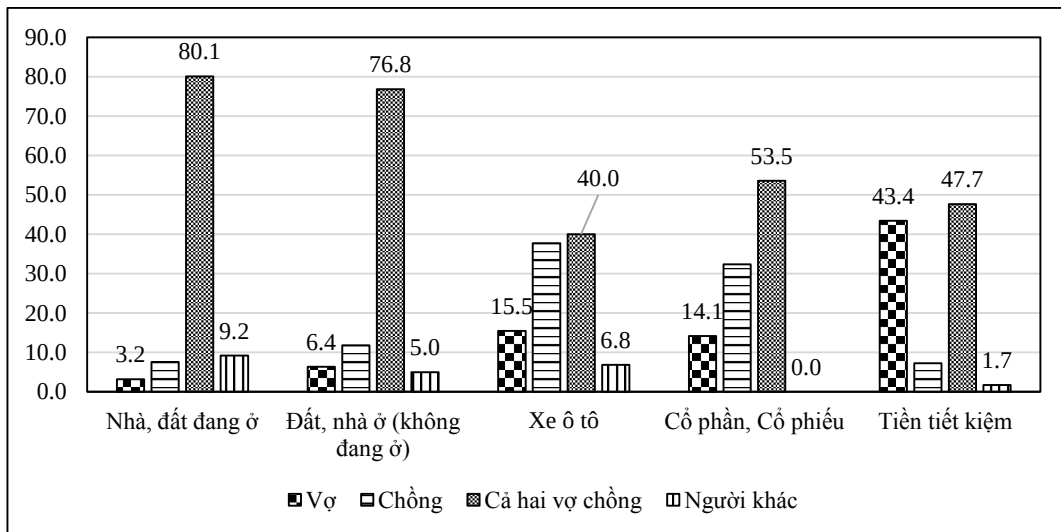
Mặc dù người vợ có ưu thế hơn về kinh tế nhưng để gia đình yên ổn thường họ phải lùi lại phía sau: “Gia đình nhà chồng tôi gia trưởng, việc sinh con trai cũng là áp lực đối với vợ chồng tôi, may mà sinh cháu thứ hai là con trai. Mặc dù mình đi làm thu nhập cao hơn nhưng các việc lớn trong nhà đều để chồng quyết, còn mình chỉ tham gia góp ý thôi” (PVS, nữ, 38 tuổi). Như vậy, với quan điểm của cả nam và nữ thì quyền ra quyết định của người chồng mới là đúng lẽ thường.

Tuy nhiên, trong xã hội hiện nay, vai trò “trụ cột” tạo ra một áp lực lớn đối với nam giới trong việc đảm bảo cuộc sống của gia đình: “Tôi luôn phải tính toán làm thế nào để có thể cân đối tài chính cho các công việc của gia đình, vừa phải lo cho việc chi tiêu sinh hoạt, vừa phải lập kế hoạch hướng đến những mục tiêu lâu dài hơn như đầu tư cho con học, tích lũy tài sản, cải thiện nhà ở,...” (PVS, nam 35 tuổi). Hay trường hợp khác: “Từ lúc cưới vợ, tôi luôn phải tính toán gia tăng thu nhập, tìm các công việc lương cao hơn. Thời gian ngủ

cũng ít hơn, mệt mỏi cũng không dám chia sẻ với gia đình vì sẽ làm cho vợ con thấy nặng nề. Thỉnh thoảng đi cà phê với bạn bè để tán gẫu cho bớt căng thẳng” (PVS, nam, 44 tuổi).

Bên cạnh việc ra các quyết định gia đình, đứng tên tài sản cũng là một chỉ báo quan trọng đo lường mức độ thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Kết quả nghiên cứu ở Biểu đồ 2 cho thấy, chiếm tỉ lệ cao nhất người đứng tên tài sản gia đình là cả hai vợ chồng. Trong đó, 81.1% số người trả lời nhà, đất đang ở do cả hai vợ chồng đứng tên; 76.8% nhà, đất (không đang ở) ở; 53.5% trả lời cổ phần, cổ phiếu và 47.7% tiền tiết kiệm do cả hai vợ chồng đứng tên tài sản. Điều này phù hợp với quy định về tài sản chung của vợ chồng tại khoản 1 Điều 34 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: “Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng phải ghi tên cả hai vợ chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác”.

Biểu đồ 2: Người đứng tên tài sản gia đình



Nguồn: Trường Đại học Luật Hà Nội, 2024

Đối với trường hợp người đứng tên tài sản chỉ có vợ hoặc chồng có sự khác biệt về giới. Cụ thể là, có tới 42.4% số người trả lời người đứng tên trên sổ tiết kiệm là vợ trong khi chồng đứng tên chỉ chiếm 7.2%. Còn tài sản là cổ phần, cổ phiếu và xe ô tô chồng đứng tên tài sản chiếm tỉ lệ là 32.3% và 37.7% cao hơn nhiều so với vợ đứng tên.

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong phân công lao động việc nhà: Để đạt được mục tiêu bình đẳng ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới cũng phải trải qua một quá trình, trong đó có sự xung đột giữa chuẩn mực xã hội mới và chuẩn mực xã hội cũ. Theo chuẩn mực truyền thống: “Sự phân công lao động phổ biến theo giới là giao việc nấu ăn cho phụ nữ. Người ta tin rằng phụ nữ có khả năng thiên bẩm về nấu ăn, và nam giới không có khả năng sinh học đó. Không nam giới nào cảm thấy xấu hổ, mà coi là đương nhiên nếu họ không biết nấu ăn hoặc nấu ăn vụng” (Mai Huy Bích, 2011: 60). Vì vậy, cả nam và nữ luôn bị ràng buộc bởi những khuôn mẫu đó: “Theo tôi hiện nay vẫn có gia đình quan niệm rằng lấy vợ về là để vợ lo nấu nướng, nội trợ chăm sóc chồng con, còn chồng đi làm bên ngoài xã hội. Gia đình tôi cũng vậy, trước khi cưới anh ấy cũng có một thời gian dài ở một mình, nhưng sau khi cưới, chồng tôi sau giờ làm việc không về nhà ngay mà thường la cà

uống bia, rượu cùng bạn bè không làm các công việc nấu nướng dọn dẹp, không đưa đón con, công việc đổ hết lên đầu tôi. Lâu dần tôi không còn đủ sức chịu đựng, nhờ gia đình nhà chồng góp ý thì mẹ chồng không những không góp ý lại còn có quan điểm rằng là đàn ông phải giao lưu với bạn bè thì công việc mới tốt. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tôi quyết định cùng con ra thuê nhà ở riêng và làm đơn ly hôn. Nhưng chồng tôi không chấp nhận ly hôn và hứa sẽ thay đổi. Đến bây giờ thì tôi cũng thấy anh ấy có sự thay đổi, đi làm về sớm hơn và đưa đón con đi học và dọn dẹp nhà cửa” (PVS, nữ 35 tuổi). Trường hợp khác: “Sau khi kết hôn tôi và chồng bàn bạc với nhau cùng chia sẻ việc nhà, mỗi lần gia đình nhà chồng sang chơi thấy anh ấy nấu nướng, dọn dẹp, bị mọi người chê là sợ vợ. Còn tôi mang tiếng là ghê gớm, bắt nạt chồng” (PVS, nữ 28 tuổi).

Đề nam giới chủ động tham gia lao động việc nhà cũng là một quá trình chuyển đổi về thể hệ vì việc hình thành thói quen, lối ứng xử mới với cả hai giới đều không dễ dàng. Khi xã hội phát triển, mô hình gia đình hạt nhân chiếm đa số, vợ và chồng đều tham gia lao động bên ngoài xã hội, cùng đóng góp thu nhập để phục vụ chi tiêu cho gia đình thì tất yếu lao động việc nhà phải có sự chia sẻ đặc biệt là trong giai đoạn chuyển tiếp này: “Hồi mới cưới, tôi là người phải đảm đương hết công việc nội trợ do chồng tôi không biết nấu ăn và hầu như không tham gia các công việc nội trợ. Nhưng khi có con nhỏ, công việc bận rộn, tôi đã hướng dẫn anh ấy nấu nướng, rồi anh ấy cũng phải tham gia giặt giũ, dọn dẹp, dần cũng quen. Bây giờ nhà tôi, ai đi làm về trước người đó chủ động nấu ăn, ngày nghỉ cùng nhau dọn dẹp nhà cửa. Chứ phụ nữ ngày nay không có người giúp việc gia đình, chồng con không tham gia mà lại làm hết việc nhà thì không có đủ thời gian” (PVS, nữ 44 tuổi).

Kết quả khảo sát (Bảng 3) cho thấy, có sự tham gia của các thành viên trong gia đình vào các công việc nhà, đặc biệt là sự tham gia của người chồng vào hầu hết các công việc nấu ăn, chăm sóc người già, trẻ con, người ốm, dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ quần áo, chăm sóc, dạy dỗ con,... Cụ thể là có tới 51.7% và 51.3% số người trả lời khẳng định có sự tham gia của chồng vào công việc rửa bát, quét dọn nhà cửa và giặt giũ quần áo. Người chồng cùng chia sẻ cõn bớt được áp lực cho người vợ bị trói buộc với công việc nội trợ: “Mình cố gắng tham gia làm các công việc nấu nướng, dọn dẹp nhà cửa khi có thời gian để giảm bớt gánh nặng cho vợ, khi cô ấy tham gia các khóa học phục vụ chuyên môn và khi công việc bận rộn cần làm thêm giờ. Điều đó giúp cho không khí gia đình hòa thuận và hạnh phúc” (PVS, nam, 31 tuổi). Việc chồng đi chợ, nấu nướng, dọn dẹp tại các gia đình đô thị dần trở nên phổ biến ở các gia đình trẻ. “Ở khu vực tôi sống, đa số là vợ chồng trẻ, các gia đình vợ chồng đều cùng nhau làm các công việc nhà. Tôi không nghĩ rằng chồng làm việc nhà là đang giúp vợ và coi công việc đó là của vợ. Mà tôi làm việc nhà bởi đó là trách nhiệm chung của cả vợ và chồng” (PVS, nam, 30 tuổi). Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, có tới 80.7% số người được hỏi khẳng định họ có sự bàn bạc, thống nhất trong phân công lao động gia đình.

Có sự thay đổi về quan điểm trong phân công lao động việc nhà, phá bỏ đi chuẩn mực cũ cho rằng tôi làm việc này vì nó đã được quy định sẵn cho mỗi giới, tôi không muốn làm chỉ vì đó là việc của đàn ông (hay đàn bà). Bình đẳng trở thành hiện thực nếu mỗi giới tự quyết định vai trò của mình mà không theo chuẩn mực đã được định sẵn. Có nghĩa là cả vợ và chồng làm những gì có thể theo ý muốn, tùy thuộc vào khả năng của mình để xây dựng một gia đình hạnh phúc. “Theo tôi, nếu người vợ làm các công việc nấu nướng, phục vụ chồng con những bữa cơm ngon, giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ, đẹp đẽ. Họ làm công việc đó một cách vui vẻ và cảm thấy hài lòng thì đó không phải là bất bình đẳng giới” (PVS, nữ, 51 tuổi).

Bảng 2: Phân công lao động việc nhà

Phương án trả lời	Vợ		Chồng		Con gái		Con trai	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1. Chăm sóc, dạy dỗ con	165	55.2	134	44.8	-	-	-	-
2. Chăm con lúc con ốm	188	62.7	117	39	-	-	-	-
3. Đưa đón con đi học	151	50.2	148	49.8	-	-	-	-
4. Nấu ăn	262	87.3	130	43.3	55	18.3	46	15.3
5. Rửa bát, quét dọn nhà cửa	225	75.0	155	51.7	84	28.0	72	24.0
6. Giặt giũ quần áo	224	74.7	154	51.3	73	24.3	68	22.7
7. Đóng góp tiền chi tiêu trong gia đình	206	68.7	272	90.7	29	9.7	23	7.7
8. Chăm sóc ông bà ốm đau	256	85.3	239	79.7	53	17.7	45	15.0

Nguồn: Trường Đại học Luật Hà Nội, 2024

Mặc dù có sự tham gia đáng kể của nam giới vào các công việc lao động gia đình nhưng trách nhiệm làm việc nhà vẫn có xu hướng theo khuôn mẫu truyền thống: “Đàn bà sinh con, đàn bà làm nội trợ. Nếu nhà có nghĩa là gia đình thì gia đình có nghĩa là đàn bà” (Warren Kidd et al, 2006: 302). Các công việc nội trợ nấu nướng, giặt giũ, dọn dẹp do vợ thực hiện có tỉ lệ cao hơn chồng: vợ là người nấu ăn chiếm 87.3% trong khi đó chồng tham gia chiếm 43.3%; Rửa bát, quét dọn nhà cửa vợ đảm nhiệm chiếm 75% trong khi chồng 51.7%; 74.7% việc giặt giũ quần áo do vợ thực hiện chồng là 51.2%. Việc chăm con lúc ốm cũng có sự chênh lệch lớn giữa vợ và chồng. Tỉ lệ vợ chăm con ốm chiếm 62.7% chồng thực hiện chiếm 39%; việc đưa đón con đi học vợ thực hiện 50.2% và chồng thực hiện chiếm 49.8%. Chăm sóc con lúc con ốm, người vợ được coi là có khả năng hơn như ý kiến sau: “Khi con ốm cả hai vợ chồng tôi đều chăm sóc, tuy nhiên từ khi cháu mới sinh, vợ tôi hiểu biết hơn tôi về các vấn đề sức khỏe của cháu như khám bác sĩ ở đâu, uống thuốc gì. Lúc con ốm không có người trông giúp thì vợ tôi xin nghỉ để chăm con cũng thuận hơn, vì phụ nữ nghỉ chăm con ốm dễ được thông cảm và chấp nhận” (PVS, nam, 35 tuổi).

Việc thay đổi nhận thức và hành động nhằm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới chính là từ phân công lao động gia đình. Vì gia đình là môi trường xã hội hóa đầu tiên, đóng vai trò cơ bản trong việc định hình mối quan hệ giới và truyền lại các kiến thức và kỹ năng về giới để trẻ em bước vào xã hội. Do vậy, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới của cha mẹ có tác động lớn đến nhận thức của các thế hệ kế tiếp. Làm việc nhà là một trong những kĩ

năng quan trọng mà gia đình truyền đạt cho các con. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có sự tham gia của cả con trai và con gái vào các công việc gia đình từ nấu nướng, giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa đến chăm sóc ông bà,... và không có sự khác biệt nhiều về giới tính của các con. Trong đó, tham gia nấu ăn con gái chiếm 18.3% và con trai chiếm 15.3%; rửa bát, quét dọn nhà cửa có 28% con gái và 24% con trai tham gia... Ngoài ra, 9.7% con gái và 7.7% con trai của người khảo sát đóng góp thu nhập để chi tiêu cho gia đình. Việc tham gia lao động việc nhà mang lại nhiều lợi ích cho các thành viên: “Khi bố mẹ và con cái cùng chia sẻ công việc gia đình thì quan hệ tình cảm các thành viên trở nên gần gũi, cảm thông. Mặt khác, phù hợp với hoàn cảnh của các gia đình có bố mẹ đi làm từ sáng đến tối. Buổi trưa con đi học về có thể tự nấu nướng, ăn uống mà không phụ thuộc nhiều vào bố mẹ. Điều đó giúp con phát triển toàn diện, tự chủ được cuộc sống và có trách nhiệm với gia đình. Đặc biệt là giáo dục về bình đẳng giới cho con theo hướng không phân biệt con trai, con gái” (PVS, nam, 59 tuổi).

Sự tham gia của cả con trai và con gái vào công việc gia đình nhằm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, rằng nam giới cũng phải tham gia vào các công việc nội trợ, nấu nướng, giặt giũ,... điều này giúp những đứa trẻ lớn lên có thể chủ động được cuộc sống về sinh hoạt, tự mình làm các công việc nội trợ, nấu nướng cho gia đình: “Gia đình tôi, con trai, con gái đều tham gia làm các công việc gia đình, nấu nướng, giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa, đi chợ vào các ngày nghỉ, còn ngày thường các cháu đi học từ sáng đến tối. Anh, em nó tự chia nhau làm việc nhà, đứa rửa bát buổi trưa, đứa rửa bát tối. Ai nấu cơm thì không phải rửa bát. Bây giờ các cháu có nhận thức tốt hơn mình, chúng nó không chịu lười áp đặt theo kiểu con gái phải làm các công việc gia đình còn con trai thì không” (PVS, nữ, 47 tuổi). Tuy nhiên, tại các đô thị hiện nay, trẻ em dành phần lớn thời gian cho việc học tập, ít có thời gian làm các công việc nhà: “Các con tôi có tham gia dọn dẹp, rửa bát, nấu nướng khi mẹ không có nhà tuy nhiên cũng thỉnh thoảng vì các cháu đi học cả ngày có hôm tối đi học thêm đến 9 giờ mới về, lúc đó ăn cơm còn mệt nữa là. Thôi thì con rảnh thì giúp bố mẹ làm việc nhà để sau này còn biết mà làm phục vụ mình chứ” (PVS, nữ, 51 tuổi).

Chức năng giáo dục của gia đình đối với trẻ em là điều kiện quan trọng giúp cá nhân hòa nhập, thích ứng với đòi hỏi về nghề nghiệp và chuẩn mực của cộng đồng và xã hội. Do đó, cha mẹ có nghĩa vụ tạo điều kiện cho con được học tập, lao động theo khả năng, không có sự phân biệt giữa con trai và con gái. Nội dung này được quy định tại Điều 33 Luật Bình đẳng giới năm 2006 về trách nhiệm của gia đình: *Đối xử công bằng, tạo cơ hội như nhau giữa con trai, con gái trong học tập, lao động và tham gia các hoạt động khác*. Trong đa số các gia đình đô thị hiện nay, con trai và con gái được nuôi dạy và phát triển trên cơ sở bình đẳng, kết quả khảo sát cho thấy, có 98.7% số người được hỏi khẳng định họ đối xử bình đẳng với các con không phân biệt giới tính; 94.7% khẳng định cho con được hưởng quyền về tài sản tương xứng với công sức đóng góp của con vào tài sản của gia đình. Đối với quyết định chọn trường học, chọn nghề nghiệp có 67.6% số người trả lời cho con tự quyết định. Cách giáo dục của một bộ phận gia đình hiện nay (32.4%) vẫn chịu ảnh hưởng của cách giáo dục mang tính áp đặt với quan niệm rằng, bố mẹ là người trao cho con sự sống nên có thể quyết định những vấn đề của con như giờ giấc, lựa chọn trường học, ngành học, định hướng tương lai. Tuy nhiên, vẫn có gia đình đặt nhiều kỳ vọng để con có cuộc sống tốt đẹp trong tương lai, tạo lên áp lực đối với trẻ em trong việc học tập.

Thực hiện quyền bình đẳng vợ chồng trong việc quyết định số con, giới tính của con, lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp, pháp luật ghi nhận quyền bình đẳng giữa vợ và chồng việc quyết định số con, chăm sóc, nuôi dạy con đảm bảo con sinh ra nhận được tình yêu thương của cha và mẹ để phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 100% số người trả lời pháp luật quy định vợ chồng bình đẳng trong việc quyết định số con và 73.9% có lập kế hoạch về thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh. Tuy nhiên việc sinh con trai để nối dõi vẫn còn tồn tại trong tư tưởng và hành vi sinh con của các gia đình, có 34.6% số người được hỏi khẳng định tìm hiểu cách thức để lựa chọn giới tính cho con và 40.3% số người trả lời phải sinh con trai để có người nối dõi. Như vậy, việc sinh con trai để nối dõi vẫn còn tồn tại trong tư tưởng và hành vi của các cặp vợ chồng. Quan niệm truyền thống phải có con trai để “nối dõi tông đường” đã khiến cho số bé trai được sinh ra ngày càng nhiều hơn so với bé gái, dẫn đến mất cân bằng giới tính. Trong nhiều gia đình vẫn tồn tại suy nghĩ, con gái lớn lên sẽ lấy chồng, coi như hết trách nhiệm với gia đình. Còn con trai mới là người lo toan trong nhà, chăm lo bố mẹ khi về già, hương khói tổ tông. Không có con trai coi như không có người nối dõi, tuyệt tự... Việc tiếp cận các quyền về sức khỏe sinh sản và quyết định số con của một bộ phận phụ nữ vẫn còn hạn chế. Phụ nữ vẫn không thể đưa ra quyết định về số con và giới tính của con do ảnh hưởng của tư tưởng truyền thống. Mặc dù ở Thủ đô, nơi có điều kiện kinh tế phát triển, trình độ học vấn cao hơn các địa phương khác nhưng có người phụ nữ vẫn phải cam chịu đau đớn để có được con trai nối dõi để hy vọng bảo đảm hạnh phúc gia đình.

Như vậy, pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình đã đi vào thực tiễn phát huy hiệu lực làm thay đổi căn bản nhận thức về giới và tạo dựng mối quan hệ bình đẳng, dân chủ, tôn trọng cùng nhau chia sẻ các công việc gia đình. Tuy nhiên, khoảng cách giới vẫn còn tồn tại dai dẳng với nam giới giữ vai trò trụ cột gia đình và ra các quyết định quan trọng, mặc dù tham gia lao động bình đẳng với nam giới bên ngoài xã hội nhưng phụ nữ vẫn là người chịu trách nhiệm chính các công việc lao động gia đình, một bộ phận phụ nữ vẫn phải chịu một sức ép về việc sinh con trai, họ không được hoàn toàn tự do trong việc lựa chọn giới tính và số con và sự tham gia vào quá trình ra quyết định trong gia đình còn hạn chế. Do đó cần có những biện pháp hiệu quả hơn trong việc bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới nhằm thúc đẩy bình đẳng giới, góp phần nâng cao vị thế, vai trò và bảo đảm quyền con người ở nước ta hiện nay.

3. Một số giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Thứ nhất, thúc đẩy lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là một biện pháp để thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, phù hợp với đặc thù của mỗi giới; tạo cơ hội phát triển như nhau cho nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình; bảo đảm bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ (Bộ Tư pháp, 2014). Lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cần xác định chính xác nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới trên cơ sở phân tích thông tin về các điều kiện, nhu cầu, khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực, sự khác biệt về điều kiện kinh tế - xã hội, mức độ tham gia, ra quyết định và hưởng lợi của mỗi giới. Quy định các biện pháp cần thiết để thúc đẩy việc tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực nhằm nâng cao quyền năng của đối tượng hưởng lợi nhằm thực hiện bình đẳng giới. Đặc biệt là đánh giá tác động giới (GIA) và tác động của pháp luật (RIA) sau khi được ban hành,

trên cơ sở đó xác định nguồn nhân lực, tài chính cần thiết để triển khai các biện pháp thực hiện bình đẳng giới. Thực tiễn trong chính sách, pháp luật Việt Nam hiện nay, việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu và còn mang tính hình thức. Chẳng hạn, trong đánh giá tác động chính sách của đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 thì qua nghiên cứu hồ sơ các đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh, Bộ Tư pháp thấy rằng, hầu hết các đánh giá tác động về giới trong các đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh đều dừng ở việc xác định các đề xuất không phân biệt đối xử về giới, chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung hoặc xác định lĩnh vực, chính sách điều chỉnh không có tác động giới (Thái Thị Hải Yến, 2020).

Thứ hai, nâng cao ý thức pháp luật cho các chủ thể xây dựng và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, ý thức pháp luật có mối quan hệ mật thiết với hoạt động thực hiện pháp luật. Do đó để thực hiện tốt pháp luật về bình đẳng giới, trước hết cần phải nâng cao kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm về giới cho cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật, từ đó họ mới có nhận thức đầy đủ để có thể thực hiện tốt việc lồng ghép bình đẳng giới trong các văn bản quy phạm pháp luật. Các cán bộ, công chức thực thi pháp luật cần được quán triệt quan điểm giới trong công tác tiến hành các biện pháp nhằm đảm bảo không làm trầm trọng thêm sự cách biệt giới và đề ra được các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới. Cán bộ làm công tác tuyên truyền pháp luật về bình đẳng giới cần được đào tạo, tập huấn về bình đẳng giới giúp họ nắm vững kiến thức pháp luật sẽ giúp công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới được thực hiện tốt và bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

Tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật về bình đẳng giới sâu, rộng đến các tầng lớp nhân dân để họ biết, hiểu được bản chất bình đẳng giới sẽ dần dần tạo điều kiện để nhạy cảm giới (nhận thức được vấn đề giới trong công việc, cách xử sự). Từ nhạy cảm giới tiến đến mức độ cao hơn là trách nhiệm giới và hành vi giới sẽ thay đổi dần theo hướng tiến bộ bình đẳng nam nữ. Đặc biệt là hoạt động tuyên truyền pháp luật về bình đẳng giới cần được tiến hành lồng ghép trong nhiều hoạt động của các cơ quan và trong các chương trình, dự án kinh tế - xã hội nhằm tăng cường khả năng tiếp cận kiến thức về giới của các chủ thể. Tạo điều kiện cho các thành viên trong gia đình tham gia các hoạt động về bình đẳng giới, phòng và chống bạo lực gia đình. Nam giới cần tích cực chủ động tham gia các câu lạc bộ, học tập kiến thức về gia đình, về bình đẳng giới, các quyền của phụ nữ và phòng, chống bạo lực gia đình. Phụ nữ cần nâng cao quyền năng và trách nhiệm của mình trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

Phát huy vai trò của giáo dục của gia đình trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Các thành viên trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ và phân công hợp lý công việc gia đình, giáo dục về bình đẳng giới thông qua cách xử sự công bằng của ông bà, cha mẹ, các con không phân biệt giới, bởi hành vi của thế hệ đi trước sẽ ảnh hưởng rất lớn đến con cháu. Trong gia đình, cha mẹ tôn trọng nhau, chia sẻ công việc gia đình, cùng nhau bàn bạc và giải quyết các vấn đề sẽ là tấm gương cho con.

Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng đối với công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới cho các tầng lớp nhân dân. Thời gian qua, các cơ quan báo chí đã phát huy hiệu quả trong việc lồng ghép bình đẳng giới trong hoạt động truyền thông góp phần quan trọng trong việc định hướng, thay đổi hành vi ứng xử, suy nghĩ, thái độ của phụ nữ và nam giới nhằm dần xoá bỏ những định kiến giới. Các sản phẩm

truyền thông cần loại bỏ các định kiến giới theo khuôn mẫu phụ nữ làm công việc đơn giản, gắn với công việc gia đình, chăm sóc con cái, biết nấu ăn, biết nhẫn nhịn, phụ thuộc. Còn nam giới thu nhập cao, là người trụ cột và ra các quyết định quan trọng, tự chủ, thành đạt...

Lồng ghép bình đẳng giới qua hoạt động giáo dục trong nhà trường là một trong các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả thông qua việc dạy và học trong các nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu của giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhà trường cần tổ chức các hoạt động truyền thông về bình đẳng giới, đưa nội dung về giới, bình đẳng giới vào chương trình giảng dạy trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, lồng ghép giới và bình đẳng giới vào việc biên soạn sách giáo khoa giáo dục phổ thông và giảng dạy ở các cấp học, loại bỏ các nội dung định kiến giới.

Thứ ba, dần xóa bỏ các hủ tục, tư tưởng lạc hậu cản trở việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Trong xã hội hiện nay lối suy nghĩ, những tập quán lạc hậu còn chi phối mạnh mẽ đến các mối quan hệ gia đình, như: tư tưởng trọng nam, trọng trưởng,... dẫn đến lựa chọn giới tính khi sinh, mất cân bằng giới tính khi sinh, ảnh hưởng đến sức khỏe và quyền sinh con của phụ nữ là nguyên nhân dẫn đến bất bình đẳng giới.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu ở khu vực đô thị (trên địa bàn quận Đống Đa, Hà Nội) cho thấy, pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình đã đi vào thực tiễn, làm thay đổi căn bản nhận thức về giới và tạo dựng mối quan hệ bình đẳng, dân chủ, tôn trọng cùng nhau chia sẻ các công việc gia đình. Đây là một quá trình chuyển đổi về thể hệ, các thế hệ sau bình đẳng hơn các thế hệ trước do họ được tiếp cận với quan điểm bình đẳng từ giáo dục gia đình. Để thúc đẩy quá trình thực hiện bình đẳng giới nhanh và hiệu quả hơn, phụ nữ cần nhận thức được họ là chủ thể chính của hoạt động thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Do đó, họ cần có kế hoạch san sẻ, lôi kéo sự tham gia của chồng, của các con vào các công việc gia đình và chủ động tham gia vào công việc để ra các quyết định lớn trong gia đình. Tuy nhiên, cho dù ở đô thị, khoảng cách giới vẫn còn tồn tại dai dẳng những rào cản từ quan điểm truyền thống với nam giới giữ vai trò trụ cột gia đình và ra các quyết định quan trọng. Phụ nữ vẫn là người chịu trách nhiệm chính các công việc lao động gia đình, một bộ phận họ còn phải chịu một sức ép về việc sinh con trai và không được tự do lựa chọn giới tính và số con. Do đó, cần thiết có biện pháp lâu dài và hiệu quả hơn trong việc bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới nhằm thúc đẩy bình đẳng giới ở nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Tư pháp. (2014). *Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp*.
Mai Huy Bích. (2011). *Xã hội học gia đình*. Nxb. Khoa học xã hội.
Thái Thị Hải Yến. (2020). Thực trạng pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới và kiến nghị hoàn thiện Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*. <https://danchuphapluat.vn/thuc-trang-phap-luat-viet-nam-ve-binh-dang-gioi-va-kien-nghi-hoan-thien>
Trường Đại học Luật Hà Nội. (2024). *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình từ thực tiễn quận Đống Đa, Hà Nội*.
Vũ Tuấn Huy. (2003). *Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình và những yếu tố ảnh hưởng*. Nxb. Khoa học xã hội.
Warren Kidd et al. 2006. *Những bài giảng về xã hội học*. Nxb. Thống kê.